ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
CÁC CTĐT ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Mã sinh viên	Hệ ĐT	Mã lớp	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Tổng phải nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
1	18020045	CQ	K63CNTT	4.095.000	4.095.000	4.095.000	Nợ K1/22-23
2	18020070	CQ	K63CNTT	8.358.000	8.358.000	8.358.000	Nợ kỳ 2/23-24
3	18020287	CQ	K63CNTT	315.000	315.000	315.000	Nợ K2/22-23
4	18020306	CQ	K63CNTT	9.182.000	9.182.000	9.182.000	Nợ K1/23-24
5	18020456	CQ	K63CNTT	5.572.000	5.572.000	5.572.000	Nợ K2/23-24
6	18020531	CQ	K63CNTT	1.260.000	1.260.000	1.260.000	Nợ K1/22-23
7	18020749	CQ	K63CNTT	4.095.000	4.095.000	4.095.000	Nợ K1/22-23
8	18020784	CQ	K63CNTT	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
9	18020847	CQ	K63CNTT	3.370.000	3.370.000	3.370.000	Nợ K2/22-23 và K1/23-24
10	18021183	CQ	K63CNTT	3.980.000	3.980.000	3.980.000	Nợ kỳ 2/23-24
11	18021253	CQ	K63CNTT	3.980.000	3.980.000	3.980.000	Nợ K1/23-24
12	18020509	CQ	K63CHKT	6.782.000	6.782.000	6.782.000	Nợ K2/23-24
13	18020797	CQ	K63CHKT	5.355.000	5.355.000	5.355.000	Nợ K2/21-22
14	18021083	CQ	K63CHKT	3.980.000	3.980.000	3.980.000	Nợ K1/23-24
15	18021154	CQ	K63CHKT	6.947.000	6.947.000	6.947.000	Nợ K1/22-23 và K1/23-24
16	18021200	CQ	K63CHKT	5.983.440	5.983.440	5.983.440	Nợ K1/22-23
17	18020440	CQ	K63KTCĐT	1.592.000	1.592.000	1.592.000	Nợ kỳ hè 23-24
18	18020709	CQ	K63KTCĐT	4.784.000	4.784.000	4.784.000	Nợ kỳ 2/23-24
19	18021191	CQ	K63KTCĐT	6.328.000	6.328.000	6.328.000	Nợ K1/23-24
20	18021164	CQ	K63KTXD	7.163.000	7.163.000	7.163.000	Nợ kỳ 2/22-23 và K1/23-24
21	18020185	CQ	K63MT-R	2.474.000	2.474.000	2.474.000	Nợ K2/22-23
22	18020253	CQ	K63MT-R	2.388.000	2.388.000	2.388.000	Nợ K1/23-24
23	18020268	CQ	K63MT-R	7.570.000	7.570.000	7.570.000	Nợ K1/23-24
24	18020813	CQ	K63MT-R	8.370.000	8.370.000	8.370.000	Nợ K1/23-24
25	18021004	CQ	K63MT-R	3.419.000	3.419.000	3.419.000	Nợ K2/22-23
26	18021239	CQ	K63MT-R	1.592.000	1.592.000	1.592.000	Nợ K2/23-24
27	18020208	CQ	K63VLKT	1.990.000	1.990.000	1.990.000	Nợ K2/23-24
28	18020627	CQ	K63VLKT	5.087.050	5.087.050	5.087.050	Nợ K1/21-22
29	18020701	CQ	K63VLKT	1.592.000	1.592.000	1.592.000	Nợ kỳ hè 23-24
30	19020893	CQ	K64C-CE	3.390.000	3.390.000	3.390.000	Nợ K2/22-23
31	19020918	CQ	K64C-CE	2.388.000	2.388.000	2.388.000	Nợ kỳ 2/23-24
32	19020928	CQ	K64C-CE	5.572.000	5.572.000	5.572.000	Nợ K2/23-24
33	19020989	CQ	K64C-CE	2.810.000	2.810.000	2.810.000	Nợ K1/22-23
34	19020586	CQ	K64E-CE1	6.766.000	6.766.000	6.766.000	Nợ K1/23-24
35	19020624	CQ	K64E-CE2	7.960.000	7.960.000	7.960.000	Nợ năm học 23-24
36	19020494	CQ	K64E-RE	5.355.000	5.355.000	5.355.000	Nợ K1/22-23
37	19020561	CQ	K64E-RE	6.766.000	6.766.000	6.766.000	Nợ K2/23-24
38	19020299	CQ	K64I-CN	7.960.000	7.960.000	7.960.000	Nợ năm học 23-24
39	19020313	CQ	K64I-CN	16.696.000	16.696.000	16.696.000	Nợ K1/22-23 và K1/23-24
40	19020398	CQ	K64I-CN	7.560.000	7.560.000	7.560.000	Nợ K1/22-23
41	19020085	CQ	K64I-IT1	6.368.000	6.368.000	6.368.000	Nợ K1/23-24

STT	Mã sinh viên	Hệ ĐT	Mã lớp	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Tổng phải nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
42	19020361	CQ	K64I-IT1	1.162.000	1.162.000	1.162.000	Nợ K2/22-23
43	19020396	CQ	K64I-IT1	945.000	945.000	945.000	Kỳ hè 22-23
44	19020478	CQ	K64I-IT20	2.786.000	2.786.000	2.786.000	Nợ K2/23-24
45	19020087	CQ	K64I-IT3	17.390.000	17.390.000	17.390.000	Nợ năm học 23-24
46	19020438	CQ	K64I-IT3	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
47	19020169	CQ	K64I-IT4	1.592.000	1.592.000	1.592.000	Nợ kỳ hè 23-24
48	19020399	CQ	K64I-IT4	1.343.000	1.343.000	1.343.000	Kỳ hè 22-23 và K1/23-24
49	19020225	CQ	K64I-IT5	8.358.000	8.358.000	8.358.000	Nợ năm học 23-24
50	19021629	CQ	K64M-AT	3.582.000	3.582.000	3.582.000	Nợ K2/23-24
51	19020805	CQ	K64M-EM	3.980.000	3.980.000	3.980.000	Nợ K1/23-24
52	19020712	CQ	K64P-EP	2.786.000	2.786.000	2.786.000	Nợ kỳ hè 23-24
53	19021142	CQ	K64S-AE	3.604.000	3.604.000	3.604.000	Nợ K2/22-23
54	19021154	CQ	K64S-AE	1.592.000	1.592.000	1.592.000	Nợ kỳ hè 23-24
55	19021164	CQ	K64S-AE	5.670.000	5.670.000	5.670.000	Nợ K1/22-23
56	20020976	CQ	K65C-CE1	2.225.000	2.225.000	2.225.000	Nợ K1/22-23
57	20021010	CQ	K65C-CE1	8.507.000	8.507.000	8.507.000	Nợ K1/22-23
58	20020547	CQ	K65G-AT	4.498.200	4.498.200	4.498.200	Nợ K2/22-23
59	20020548	CQ	K65G-AT	4.378.000	4.378.000	4.378.000	Nợ kỳ hè 23-24
60	20020006	CQ	K65I-IT1	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
61	20020062	CQ	K65I-IT1	1.642.000	1.642.000	1.642.000	Nợ K2/22-23
62	20020508	CQ	K65I-IT1	1.890.000	1.890.000	1.890.000	Nợ K1/22-23
63	20020191	CQ	K65I-IT2	7.164.000	7.164.000	7.164.000	Nợ K2/23-24
64	20020376	CQ	K65I-IT2	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
65	20020452	CQ	K65I-IT2	8.358.000	8.358.000	8.358.000	Nợ K2/23-24
66	20020487	CQ	K65I-IT3	2.388.000	2.388.000	2.388.000	Nợ kỳ hè 23-24
67	20020879	CQ	K65M-EM	796.000	796.000	796.000	Nợ K2/23-24
68	20020928	CQ	K65M-EM	796.000	796.000	796.000	Nợ K2/23-24
69	20020781	CQ	K65P-EE	6.766.000	6.766.000	6.766.000	Nợ K2/23-24
70	20020829	CQ	K65P-EE	7.562.000	7.562.000	7.562.000	Nợ K1/23-24
71	20021225	CQ	K65S-AE	4.776.000	4.776.000	4.776.000	Nợ K1/22-23
72	20021226	CQ	K65S-AE	6.300.000	6.300.000	6.300.000	Nợ K1/23-24
73	20021250	CQ	K65S-AE	4.776.000	4.776.000	4.776.000	Nợ K2/23-24
74	20021279	CQ	K65S-AE	7.562.000	7.562.000	7.562.000	Nợ K2/23-24
75	21020346	CQ	K66I-IT1	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
76	21020758	CQ	K66I-IT3	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
77	21020785	CQ	K66I-IT3	1.194.000	1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
78	21021139	CQ	K66M-EM	5.355.000	5.355.000	5.355.000	Nợ K1/22-23
79	22022180	CQ	K67E-CE1	30.519.600	30.519.600	30.519.600	Nợ K2/23-24
80				**0**		0	
81	18020495	XH	K63KHMT.C	4.900.000	4.900.000	4.900.000	Nợ kỳ hè 23-24
82	18020565	XH	K63KHMT.C	17.500.000	17.500.000	17.500.000	Nợ K1/23-24
83	18020638	XH	K63KHMT.C	2.100.000	2.100.000	2.100.000	Nợ K2/22-23
84	18020950	XH	K63KHMT.C	4.200.000	4.200.000	4.200.000	Nợ K1/23-24
85	18021002	XH	K63KHMT.C	7.000.000	7.000.000	7.000.000	Nợ K2/23-24
86	18021222	XH	K63KHMT.C	14.000.000	14.000.000	14.000.000	Nợ K2/22-23 và K1/23-24
87	19021399	XH	K64E-EC1	800.000	800.000	800.000	Nợ K2/23-24
88	19021418	XH	K64E-EC2	3.200.000	3.200.000	3.200.000	Nợ kỳ hè 23-24

STT	Mã sinh viên	Hệ ĐT	Mã lớp	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Tổng phải nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
89	19021250	XH	K64I-CS2	2.400.000	2.400.000	2.400.000	Nợ kỳ hè 23-24
90	19021338	XH	K64I-CS3	21.500.000	21.500.000	21.500.000	Nợ K2/22-23
91	19021373	XH	K64I-CS4	3.200.000	3.200.000	3.200.000	Nợ kỳ hè 23-24
92	19021291	XH	K64I-IS	25.500.000	25.500.000	25.500.000	Nợ K2/22-23
93	19021344	XH	K64I-IS	2.400.000	2.400.000	2.400.000	Nợ kỳ hè 23-24
94	19021070	XH	K64M-MT2	16.097.640	16.097.640	16.097.640	Nợ K2/22-23
95	20021541	XH	K65E-EC1	100.000	100.000	100.000	Nợ 1 phần K2/23-24
96	20021583	XH	K65E-EC1	1.600.000	1.600.000	1.600.000	Nợ kỳ hè 23-24
97	20021292	XH	K65I-CS2	2.400.000	2.400.000	2.400.000	Nợ 1 phần K2/23-24
98	20021437	XH	K65I-IS	3.200.000	3.200.000	3.200.000	Nợ kỳ hè 23-24
99	20021450	XH	K65I-IS	21.500.000	21.500.000	21.500.000	Nợ K2/23-24
100	20021152	XH	K65M-MT2	17.500.000	17.500.000	17.500.000	Nợ K2/23-24
101	20021156	XH	K65M-MT3	35.000.000	35.000.000	35.000.000	Nợ năm học 23-24
102	20021211	XH	K65M-MT3	4.000.000	4.000.000	4.000.000	Nợ kỳ hè 23-24
103	20021214	XH	K65M-MT3	2.400.000	2.400.000	2.400.000	Nợ kỳ hè 23-24